

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 451/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Quỳnh N, sinh năm 1997, nơi đăng ký thường trú: số 107, đường số 7, tổ 4, thôn 6, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; hiện trú tại tổ 7, khu phố 10, thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Hoàng Duy L, sinh năm 1987, nơi cư trú: số 107, đường số 7, tổ 4, thôn 6, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2018, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Ngô Thị Quỳnh N trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, năm 2015 chị và anh Hoàng Duy L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 06/4/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống gần gia đình chồng tại xã T. Chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và có những lời nói xúc phạm chị. Ngoài ra, vì sống gần gia đình chồng nên giữa chị và mẹ chồng thường xuyên có những va chạm cãi vã nhau. Chị nhiều lần yêu cầu anh L giải quyết mâu thuẫn này nhưng anh L không đứng ra hòa giải mà chỉ bênh vục nhà chồng. Điều này khiến tình cảm giữa chị và anh L có thêm nhiều rạn nứt. Anh chị đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh L không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Hoàng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 09/3/2016, khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Hoàng Duy L thống nhất như trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn và về con chung. Anh L cho rằng mâu thuẫn giữa chị N và nhà chồng xuất phát từ việc chị N thiếu chung thủy. Ngoài ra, anh L thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên không nghiêm trọng. Cách đây khoảng 02 tháng, sau khi vợ chồng lời qua tiếng lại, chị N đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, từ đó đến nay anh chị không còn liên lạc, quan tâm nhau. Nay chị N nộp đơn ly hôn thì anh không đồng ý. Nếu chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Về con chung: Anh L đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh L được quyền trực tiếp nuôi con thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: anh L không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị N và anh Linh không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân thời gian dài, không hàn gắn được. Nay chị N kiên quyết ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, đồng thời giao cháu Quỳnh A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N với mức 1.500.000 đồng là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Hoàng Duy L nhưng đã đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị N và anh L đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 06/4/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân này là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trên cơ sở các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa chị N và anh L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc anh

chị không đồng cảm, chia sẻ được với nhau trong cuộc sống; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn không hàn gắn được. Anh chị đã thân hơn 02 tháng nay nhưng vẫn không hàn gắn được. Trong quá trình tham gia tố tụng, anh L cũng đã thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không tin tưởng lẫn nhau và không hàn gắn được tình cảm. Tại phiên tòa, chị N khẳng định không còn tình cảm với anh L và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Từ đó đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng: Xét thấy cháu Quỳnh A còn rất nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Hiện nay cháu Quỳnh A đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82 cần giao cháu Quỳnh A cho chị N tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N với mức 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện sống thực tế hiện nay. Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần buộc anh L cấp dưỡng là đúng quy định. Nếu anh L chậm thi hành án về cấp dưỡng thì phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị N là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh là đúng pháp luật. Anh L phải chịu án phí 300.000 đồng về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết

số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Quỳnh N

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Ngô Thị Quỳnh N ly hôn Hoàng Duy L.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Quỳnh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Hoàng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 09/3/2016. Buộc anh Hoàng Duy L phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền hàng tháng là 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng anh L còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0018891 ngày 04/12/2018. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/01/2019), bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

